

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KON TUM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/2024/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 09 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 426/BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban

Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2024./.

CHỦ TỊCH
Dương Văn Trang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh 24 triệu đồng/người/tháng, cấp cơ sở 16,8 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao: Thụ ký khoa học bằng 0,3 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thành viên chính bằng 0,8 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thành viên bằng 0,4 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ bằng 0,2 lần mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước bằng 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước bằng 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có): Chi theo thực tế, thanh toán có chứng từ, hóa đơn theo quy định. Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành.

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

* Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.000	800
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	300	180
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	1.350	790

1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		660	570	390	340
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		530	440	310	270
	Thư ký khoa học		180	150	100	90
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	180	110	100
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		330	280	200	170
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng		420	350	250	210
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300	250	180	150
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		1.000	830	600	500
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		660	550	400	330
	Thư ký khoa học		180	150	100	90
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		330	270	200	170
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		470	390	280	220
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng		1.000	830	600	490

	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		660	550	400	330
	Thư ký khoa học		180	150	100	90
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		330	280	200	170
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		460	380	280	230
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.	Chuyên gia	900	750	540	450

b) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác (nếu có): bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi			
			Hội đồng cấp tỉnh		Hội đồng cấp cơ sở	
			Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.	Đề tài khoa học và công nghệ	Dự án khoa học và công nghệ
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	460	380	280	230
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	330	280	200	170
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	180	150	100	90
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	120	100	70	60

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được thực hiện trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự

toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện theo quy định đối với chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy định này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật./.
